

Xàng Xê

(64 câu nhịp tư)

MÁ HỒNG ĐÁNH GHENPhỏng thơ Kim Vân Kiều : Hữu - Tâm**Lớp I :**

- 1.- (+) Thúc (sinh)^{Xg}
 Kể từ (ngày)^{Xừ} tưởng Kiều nương vấn (số)^{Cổng}
- 2.- Buồng (không)^U tháng ngày hiu (quạnh)^{Cổng}
 Đêm (ngày)^{Xừ} vào ngẩn ra (ngờ)^{Xê}
- 3.- (+) Hương (cũ)^{Cổng}
 Phấn (thừa)^{Xừ} bội phần xót (xa)^{Xang}
- 4.- Kìa (cúc)^{Cổng} lại nở (hoa)^{Xê}
 Sen tàn rủ (cánh)^U đông đà sang (xuân)^{Liu}
- 5.- Vào (ra)^U bâng khuâng cảnh (vật)^{Cổng}
 Tìm (đâu)^U cho thấy cố (nhân)^U.
- 6.- Trời (xanh)^{Xê} sao đành rẽ (phân)^{Xg}
 Hai nẻo âm (dương)^U đôi đường ly (biệt)^{Phạn}
- 7.- Kiều (nương)^U số mỏng bạc (phần)^{Xê}
 Lấy câu vận (mệnh)^{Phạn} khuây dần tiếc (thương)^{Liu}
- 8.- Ngày (kia)^U trời xanh mây (bạc)^{Cổng}
 Chạnh (lòng)^{Xừ} Sinh nhớ cố (hương).^{Xê}
- 9.- (+) Lên (đường)^{Xừ}
 Quê (xưa)^{Xê} về thăm cảnh (củ)^{Cổng}
- 10.- Kìa (nhà)^{Xừ} xa xa đã (thấy)^{Cổng}
 Thêm (ngoài)^{Xừ} đáng đó Hoạn (Thư)^{Xê}
- 11.- (+) Vào (sảnh)^{Cổng}
 Ân (cần)^{Xừ} kể chuyện gần (xa).^{Xg}
- 12.- Buồng (hương)^{Xê} cuốn cao bức (màn)^{Xừ}
 Gọi (truyền)^{Cổng} tỳ nữ Hoa (Nô)^U

- 13.- Ngập (ngừng)^{Xừ} chân bước chẳng (ra)^{Xê}
 Bồi xa trông (chừng)^{Xừ} sao giống Thúc (gia)^{Xê}
- 14.- Giống (người)^{Xừ} hay xem quáng (mắt)^{Cống}
 Rõ (ràng)^{Xừ} chính thật Kỳ (Tâm)^{Xê}
- 15.- (+) Thôi (thôi)^{Xê}
- 16.- Chẳng (sai)^{Xê} đã mắc vào (vành)^{Xừ}
 Chước (đâu)^{Xê} có chước lạ (đời)^{Xừ}
 Người (gì)^{Xừ} sao quá tinh (ma)^{Xê}
- 17.- (+) Lửa (đôi)^{Cống}
- 18.- Chính (thật)^{Xự} lửa đôi (ta)^{Xg}
 Bê (thế)^{Cống} khó lời nói (ra)^{Xê}
 Chủ, tớ cách (phân)^{Xê} đối mặt ngõ (ngàng)^{Xừ}
- 19.- (+) Hoạn (Thư)^{Xê}
- 20.- Trong (lòng)^{Xừ} vui vẻ xiết (bao)^{Xg}
 Mặt (hoa)^U thơn thớt nói (cười)^{Xê}
 Lòng sao nham (hiểm)^U giết người không (dao).^{Liu}

Lớp II (Lớp Hò)

- 21.- (+) Nghẹn (ngào)^{Hò}
 Cố (+)^{Xê} nén lệ tuôn (trào)^{Hò}
- 22.- Vì (sao)^U đôi bên tạn (mặt)^{Phạn}
 Lại (+)^{Phạn} thốt lời chẳng (ra)^{Liu}
- 23.- (+) Bây (giờ)^{Hò}
- 24.- Thế đã (+)^{Xê} cao thấp đất (trời)^{Hò}
 Mở (lời)^{Xừ} ăn nói làm (sao)^{Xg}
 Trông (vào)^{Xừ} hai mặt ngẫ (ngơ)^{Xê \}
- 25.- (+) Tơ (rối)^{Cống}
- 26.- Dường (như)^{Xê} lòng Kiêu (nương)^{Xg}
 Nào (dám)^{Cống} buông lời chẳng (vâng)^{Xê}
 Cúi đầu nép (xuống)^{Cống} bước ra lạy (chào)^{Xừ}

- 27.- (+) Thúc (sinh)^{Xê}
 Như (rằng)^{Xư} phách lạc hôn (xiêu)^{Xg}
- 28.- Thương (ôi)^U quả thật nàng (Kiều)^{Xê}
 Nhân (đến)^U thế này là (sao)?^{Liu}
- 29.- Trách (ai)^U nữ bày bầy (rập)^{Công}
 Đường (tơ)^U dao sắt đoạn (ngang)^U
- 30.- Lòng (đau)^{Xê} dám nào thở (than)^{Xg}
 Trong tác (gan)^U đôi trời én (nhạn)^{Phan}
- 31.- Thôi ta (đã)^{Xê} mắc tay ai (rồi)^{Xê}
 Sợ lậu (chuyện)^{Phan} dám nào hỏ (môi)^{Liu}
- 32.- Khôn (dần)^{Hò} được lệ tuôn (rơi)^{Xg}
 Tiểu (thư)^{Xê} hỏi tra sự (tình)^{Xư}
- 33.- (+) Cớ (đâu)^{Xê}
 Đường (xa)^{Xê} vừa mới về (nhà)^{Xư}
- 34.- Việc (chi)^{Xê} chẳng được vui (lòng)^{Xư}
 Hay Lâm (Tri)^U nơi kia có (chuyện)^{Phan}
- 35.- Thật (khen)^U gương mặt lạnh (lùng)^{Xê}
 Tay vầy đủ (kiểu)^U giả tuồng như (không)^{Liu}
- 36.- Hoạn (Thư)^U truyền bày yến (tiệc)^{Phan}
 Giải muộn đêm (thu)^U mượn chén tẩy (trần).^{Xê}

Lớp III : Lớp Xê

- 37 - (+) Vợ (chông)^{Xê}
 Cùng (+)^{Xư} chén tạc chén (thù)^{Xê}
- 38.- Hoạn Thư (+)^U khéo bày (+)^{Xê}
 Khiến Kiều (nương)^U hầu chức bên (bàn)^{Xê}
- 39.- (+) Rượu (trần)^{Xê}
 Hòa (+)^{Xư} lệ nhỏ hai (hàng)^{Xê}
- 40.- Bắt khoan bắt (nhặt)^{Phan} đủ đàng (+)^{Xê}
 Nào quì tận (mặt)^U phải mời đến (tay)^{Liu}

- 41.- Thúc (sinh)^U càng như ngậy như (dại)^{Công}
 Giọt dài, giọt (ngấn)^U, chén đầy, chén (vời).^U
- 42.- Hôi (lâu)^{Xê} Sinh cười nói (vang)^{Xg}
 Giả cách (say)^U cáo lui hậu (viện)^{Phan}
- 43.- Tiểu (thư)^U đổ lỗi nữ (tỳ)^{Xê}
 Như ly không (cạn)^U sấn dành đòn (roi)^{Liu}
- 44.- Tan (hồn)^{Hò} nát ruột Thúc (sinh)^{Xg}
 Ly từng (ly)^{Xê} phải ngậm bồ (hòn).^{Xừ}
- 45.- (+) Tiểu (thư)^{Xê}
- 46.- Tỉnh (say)^{Xê} nói nói cười (cười)^{Xừ}
 Thêm (vui)^{Xê} cuộc chơi lại (bày)^{Xừ}
 Buộc Kiêu (nường)^U đạo đàn giữa (tiệc)^{Phan}
- 47.- Khóc (than)^U to nhỏ tơ (đàn)^{Xê}
 Khiến người trên (tiệc)^U cũng lòng nát (tan)^{Liu}
- 48.- Hoạn (Thư)^U nghiêng đầu cười (nụ)^{Công}
 Thúy (Kiêu)^{Xừ} rỉ máu đường (tơ).^{Xê}

Lớp IV :

- 49/9 - (- -) Khôn (cằm)^{Xừ}
- 50/10 Niêm (riêng)^{Xê} châu rơi lã (chã)^{Cống}
 Ai (bày)^{Xừ} ra chi ngang (trái)^{Cống}
 Cúi (đầu)^{Xừ} Thúc nuốt đắng (cay).^{Xê}
- 51/11 (+) Tiếng (trống)^{Cống}
- 52/12 (Điểm)^{Cống} đã canh (ba)^{Xg}
 Tiểu (thư)^{Xê} như cũng há (lòng)^{Xừ}
 Nhìn (mặt)^{Công} đường đà cam (tâm)^U
- 53/13 Mừng (thâm)^{Xừ} tấp tểnh lòng (riêng)^{Xê}
 Vui này đã (bỏ)^{Cống} đau ngậm xưa (nay)^{Xê}
- 54/14 Sinh (thì)^{Xừ} gan bầm ruột (tím)^{Cống}
 Nổi (sâu)^{Xừ} càng nghĩ càng (sâu)^{Xê}

55/17		(+)				Đêm (vắng) ^{Cống}
		Mình (Kiều) ^{Xử}	lẻ	bóng		canh (khuya) ^{Xg}
55/18		Còn (Thúc) ^{Cống}	phải	gượng		giả (vui) ^{Xê}
	Cùng	Hoạn (Thu) ^{Xê}	chung	gối		loan (phòng) ^{Xử}
57/15		(+)				Giờ (đây) ^{Xê}
		Mọi (việc) ^{Xử}		đã		tỏ (tường) ^{Xử}
58/16		Máu (ghen) ^{Xê}	đâu	có		lạ (đời) ^{Xử}
		Chước (bà) ^{Xử}	rẽ	thúy		chia (uyên) ^{Xê}
59/11		(+)				Sao (khéo) ^{Cống}
	Ai	ra	đường (nấy) ^{Cống}	ai	nhìn	được (ai) ^{Xg}
60/12		Từ (đây) ^{Xê}	một	vực		một (trời) ^{Xử}
	Hết	điều	khinh (trọng) ^{Cống}	hết	lời	thị (phi) ^U
61/13		Còn (gì) ^{Xử}	là	chữ		nợ (duyên) ^{Xê}
	Đã	lỡ	làng (rồi) ^{Xử}	chút	phận	thiền (quyên) ^{Xê}
62/14		Con (thuyền) ^{Xử}	bể	sâu		sóng (cả) ^{Cống}
	Cơn	ba (đào) ^{Xử}	đành	chịu		vậy (thôi) ^{Xê}
63/3		(+)				Mấy (nẻo) ^{Cống}
		Đường (tình) ^{Xử}		khéo		đố (ai) ^{Xg}
64/4		Đôi (bóng) ^{Cống}	mình	Kiều		đắng (cay) ^{Xê}
	Nước	mắt (sao) ^U	tuôn	dài		năm (canh) ^{Liu}